

BỘ CÔNG AN
Số: 06/2021/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định cụ thể về hình dáng, kích thước, nội dung, quy cách, ngôn ngữ khác, chất liệu thẻ Căn cước công dân và trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong việc sản xuất, cấp và quản lý mẫu thẻ Căn cước công dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.
2. Công an các đơn vị, địa phương.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sản xuất, cấp và quản lý thẻ Căn cước công dân.

Điều 3. Hình dáng, kích thước, nội dung, quy cách, ngôn ngữ khác và chất liệu thẻ Căn cước công dân

1. Hình dáng, kích thước

Thẻ Căn cước công dân hình chữ nhật chiều rộng 53,98 mm $\pm$ 0,12 mm, chiều dài 85,6 mm $\pm$ 0,12 mm, độ dày 0,76 mm $\pm$ 0,08 mm, bốn góc được cắt tròn với bán kính $r = 3,18$ mm $\pm$ 0,3 mm.

2. Nội dung

a) Mặt trước thẻ Căn cước công dân gồm các thông tin sau:

- Bên trái, từ trên xuống: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 12 mm; ảnh của người được cấp thẻ Căn cước công dân cỡ 20 x 30 mm; Có giá trị đến/Date of expiry;
- Bên phải, từ trên xuống: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN/Citizen Identity Card; biểu tượng chip; mã QR; Số/No; Họ và tên/Full name; Ngày sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Quê quán/Place of origin; Nơi thường trú/Place of residence;



b) Mặt sau thẻ Căn cước công dân gồm các thông tin sau:

- Bên trái, từ trên xuống: Đặc điểm nhân dạng/Personal identification; Ngày, tháng, năm/Date, month, year; CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI/DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER; chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền cấp thẻ; dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp thẻ Căn cước công dân; chip điện tử.
- Bên phải, từ trên xuống: Có 2 ô: Vân tay ngón trỏ trái/Left index finger và Vân tay ngón trỏ phải/Right index finger của người được cấp thẻ căn cước công dân.
- Dòng MRZ.



3. Quy cách

a) Hai mặt của thẻ Căn cước công dân in hoa văn màu xanh chuyển ở giữa màu vàng đến xanh. Nền mặt trước thẻ gồm: Bản đồ hành chính Việt Nam, trống đồng, các hoa văn họa tiết truyền thống trang trí. Nền mặt sau thẻ Căn cước công dân gồm: Các hoa văn được kết hợp với hình ảnh hoa sen và các đường cong vắt chéo đan xen;

b) Quốc huy và ảnh chân dung của công dân được in màu trực tiếp trên thẻ Căn cước công dân;

c) Màu sắc của các thông tin trên thẻ Căn cước công dân

- Dòng chữ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ “Citizen Identity Card”; biểu tượng chíp; Số/No; Họ và tên/Full name; Ngày sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Quê quán/Place of origin; Nơi thường trú/Place of residence; Có giá trị đến/Date of expiry; Đặc điểm nhân dạng/Personal identification; Ngày, tháng, năm/Date, month, year; CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI/DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER; Ngón trỏ trái/Left index finger; Ngón trỏ phải/Right index finger màu xanh;

- Dòng chữ “CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”; dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp thẻ Căn cước công dân màu đỏ;